

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST

Ngày 20/9/2017

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Dân.

Ông Phạm Thanh Trọng.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017; về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/9/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý C T, sinh năm 1995 (có mặt);

HKTT: Ấp LB1, xã LP, huyện LM, tỉnh Hậu Giang;

Chỗ ở hiện nay: Ấp K2, xã TP, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần H K, sinh năm 1988 (có mặt);

HKTT: Ấp LB1, xã LP, huyện LM, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp KN, HL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

Bà T là người dân tộc khmer nhưng nghe hiểu và nói được tiếng việt, không yêu cầu người phiên dịch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2017 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lý C T trình bày: Tôi và ông K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã LP, huyện LM, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/9/2014 nhưng trong thời gian chung sống thường bất đồng ý kiến, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chúng tôi có một người con chung là Trần K A, sinh ngày 01/11/2016 và con hiện đang sống với tôi; tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có. Tôi yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông Trần H K và được nuôi con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần H K trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của bà T về hôn nhân cả hai tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn; về con chung là Trần K A, sinh ngày 01/11/2016 đang sống với bà T. Do tôi còn thương vợ và không biết lý do gì bà T xin ly hôn nên đối với yêu cầu khởi kiện của bà T tôi không đồng ý ly hôn, đồng ý giao con cho bà T nuôi, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đảm bảo đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tại tòa.

- Về nội dung: Hôn nhân của bà T và ông K là tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/9/2014 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông K không đồng ý ly hôn do còn thương vợ nhưng Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành và hiện cả hai không còn sống chung, bà T kiên quyết ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xem xét chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông K và chịu án phí theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đối với con chung là Trần K A còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi và tại phiên tòa, các bên thống nhất giao cho bà T nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và giao cho bà T nuôi dưỡng con chung, giành quyền thăm nom con chung cho ông K theo Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Bà Lý C T khởi kiện ly hôn với ông Trần H K tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1, Điều 51 của luật hôn nhân và gia đình năm 2015. Ngày 04/8/2017, ông K yêu cầu chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì do ông đang sinh sống ổn định tại ấp KN, HL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng và bà T đồng ý Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung, các đương sự không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn T và bị đơn K thống nhất cả hai tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã LP, huyện LM, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/9/2014 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, bà T không đồng ý hàn gắn và cho rằng ông K không quan tâm vợ con, giữa bà và ông K có nhiều quan điểm bất đồng, để duy trì hôn nhân bà cố chịu để điều hòa mối quan hệ của vợ chồng nhưng qua thời gian bà không thể tiếp tục nên bà quyết định sống ly thân. Phía ông K trình bày giữa vợ chồng không có mâu thuẫn và ông còn thương bà T, không biết lý do bà T yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân với đặc điểm tồn tại lâu dài, bền vững cho đến suốt cuộc đời vì nó được xác lập trên cơ sở tình yêu thương, gắn bó giữa vợ chồng, tình cảm vợ chồng xuất phát từ hai bên, nếu còn tình cảm thì khi vợ chồng mâu thuẫn sẽ tìm cách giải quyết và cho nhau thời gian để suy nghĩ chỗ nào chưa đúng, chưa phải, hai người bình tĩnh để bày tỏ và cùng đưa ra phương án giải quyết để có sự đồng cảm, thấu hiểu nhau hơn. Nhưng bà T và ông K đều trình bày đã sống ly thân, cả hai đã có thời gian để suy nghĩ nhưng khi Tòa hòa giải và động viên hàn gắn thì các bên đều nêu ra những mâu thuẫn trước đó không ai nhường nhịn để tìm hướng giải quyết, nhìn nhận lỗi của các bên để hàn gắn, các bên lại tiếp tục cãi nhau nhiều lần, từ đó thấy rằng cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bà T, ông K mâu thuẫn trầm trọng, không còn sự cảm thông, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nhận thấy mối quan hệ giữa vợ chồng bà T và ông K không thể hàn gắn được, tại phiên tòa bà T vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 1

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] *Về con chung*: Các bên thống nhất giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần K A, sinh ngày 01/11/2016 đến khi trưởng thành, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này và căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Trần K A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và giành quyền thăm nom con chung cho ông K là đúng quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các bên thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí*: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a, b khoản 1 Điều 39; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 của luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lý C T được ly hôn với ông Trần H K.

Về con chung: Giao con chung là Trần K A, sinh ngày 01/11/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông K thực hiện quyền này.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo

biên lai thu số AA/2016/0016027 ngày 01/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, bà T đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kháng cáo kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ... phút, ngày 20 tháng 9 năm 2017.

Tại: Phòng nghị án – TAND huyện Thanh Trị.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Dân.

Ông Phạm Thanh Trọng.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số:/2017/TLST-HNGĐ ngày tháng năm 2017; về việc: Ly hôn và nuôi con chung, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý C T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp K2, xã TP, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần H K, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp KN, HL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Thông nhất 3/3 các vấn đề gồm:

1. Về Điều luật áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; điểm a, b khoản 1 Điều 39; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 của luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lý C T được ly hôn với ông Trần H K.

Về con chung: Giao con chung là Trần K A, sinh ngày 01/11/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông K thực hiện quyền này.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

3. Về các vấn đề khác:

Bà T phải chịu tiền án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2016/0016027 ngày 01/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, bà T đã nộp xong tiền án phí.

Báo các đương sự biết về quyền kháng cáo của người có mặt, người vắng mặt theo quy định.

Biên bản kết thúc lúc giờ phút cùng ngày, đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử nghe và công nhận đúng, đồng ý ký tên.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Mai

